

Số: 85/2026/QĐST - HNGĐ

Tuyên Quang, ngày 31 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 40/2026/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: **Bố Văn T**, sinh năm 1...; căn cước công dân số: 00..., cấp ngày .../.../..., Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ Công an cấp; địa chỉ: thôn P, xã T1, tỉnh T2

- Bị đơn: **Bé Thị T3**, sinh năm 1...; căn cước công dân số: 00..., cấp ngày .../.../..., Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ Công an cấp; địa chỉ: thôn P, xã T1, tỉnh T2

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 3 năm 2026,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: anh **Bố Văn T** và chị **Bé Thị T3**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Quan hệ hôn nhân: Hai anh chị **Bé Thị T3** và **Bố Văn T** nhất trí thuận tình ly hôn.

- Con chung: Hai anh chị nhất trí thoả thuận (theo nguyện vọng của con): anh **Bố Văn T** là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu **Bố Đức H**, sinh ngày .../.../... cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị **Bé Thị T3** không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T.

Chị **Bé Thị T3** được quyền đi lại, thăm nom con chung, anh **Bố Văn T** không được ngăn cản.

Việc nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung là không cố định.

- Tài sản chung: Anh chị tự thoả thuận, không đề nghị giải quyết.

- Anh **Bố Văn T** hỗ trợ chị **Bé Thị T3** số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) (đã thực hiện xong).

- Công nợ chung: anh chị không có, không đề nghị giải quyết.
- Về án phí: Áp dụng khoản 3, 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Anh Bồ Văn T tự nguyện chịu án phí cả án phí HNGĐ - ST là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang theo biên lai thu số 0000167 ngày 22/01/2026, hoàn trả cho anh T 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKS ND tỉnh Tuyên Quang;
- VKS ND Khu vực 4 – Tuyên Quang;
- UBND xã Tùng Bá, tỉnh Tuyên Quang;
- THA DS tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thúy Yên

